

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 29
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103488607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2009 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần 8) vào ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Toà Diamond Flower, số 48 phố Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quang Vinh	Chủ tịch	
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên	
Ông Quách Tất Kiên	Ủy viên	
Bà Nguyễn Hiền Trang	Ủy viên	
Ông Phạm Đình Lượng	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023)
Ông Chu Quang Tuyến	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc
Bà Nguyễn Hiền Trang	Phó Giám đốc
Ông Phạm Đình Lượng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Hồng (Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Trà Giang	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Phạm Việt Quang	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

Tầng 4, Toà Diamond Flower, số 48 phố Lê Văn Lương, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc *shu*

Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2024



Số: 060324.001/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội được lập ngày 06 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán, Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính này tại ngày 08 tháng 03 năm 2023.

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 2290-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		40.794.825.726	39.669.804.065
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	21.467.715.781	18.783.786.699
111	1. Tiền		21.467.715.781	18.783.786.699
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.000.000.000	5.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.000.000.000	5.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.349.140.122	13.380.052.267
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10.245.429.587	13.630.632.980
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	152.384.545	35.605.791
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	439.937.673	1.202.425.179
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.488.611.683)	(1.488.611.683)
140	IV. Hàng tồn kho	9	3.715.094.928	2.472.390.894
141	1. Hàng tồn kho		3.715.094.928	2.472.390.894
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.262.874.895	33.574.205
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.262.874.895	33.574.205
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		23.850.815.162	25.047.931.389
220	I. Tài sản cố định		23.643.255.977	24.811.173.665
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	23.643.255.977	24.811.173.665
222	- Nguyên giá		30.504.322.472	30.113.007.927
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.861.066.495)	(5.301.834.262)
260	II. Tài sản dài hạn khác		207.559.185	236.757.724
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	115.473.276	93.726.286
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27	92.085.909	143.031.438
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		64.645.640.888	64.717.735.454

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.096.142.383	27.328.154.405
310	I. Nợ ngắn hạn		22.096.142.383	27.328.154.405
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	10.791.539.486	15.493.744.047
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	20.070.000	207.205.802
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.419.679.398	6.120.462.867
314	4. Phải trả người lao động		5.361.691.106	3.785.731.978
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	168.819.395	97.260.060
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		334.342.998	1.623.749.651
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		42.549.498.505	37.389.581.049
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	42.549.498.505	37.389.581.049
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		25.000.000.000	25.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(110.000.000)	(110.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.621.920.694	3.702.043.833
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.037.577.811	8.797.537.216
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	500.000.000
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		11.037.577.811	8.297.537.216
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		64.645.640.888	64.717.735.454



Ma Thị Thu
Phụ trách kế toán
Kiểm người lập biểu



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	109.724.973.039	105.319.733.577
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	28.236.300	12.702.340
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		109.696.736.739	105.307.031.237
11	4. Giá vốn hàng bán	20	64.509.761.599	64.975.796.616
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.186.975.140	40.331.234.621
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	313.433.035	274.138.068
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	10.979.725.923	9.599.608.114
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	20.525.658.833	18.629.465.173
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.995.023.419	12.376.299.402
31	11. Thu nhập khác	24	6.798.200	289.356.902
32	12. Chi phí khác	25	33.688.539	329.502.348
40	13. Lợi nhuận khác		(26.890.339)	(40.145.446)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.968.133.080	12.336.153.956
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	2.879.609.740	3.881.404.163
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27	50.945.529	57.212.577
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>11.037.577.811</u>	<u>8.397.537.216</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	3.194	2.168



Ma Thị Thu
Phụ trách kế toán
Kiểm người lập biểu



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		112.823.536.430	88.488.764.835
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(80.290.744.611)	(68.216.822.458)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(42.909.304.841)	(39.361.647.283)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.834.051.895)	(2.599.839.808)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		61.601.024.036	49.424.282.173
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(41.667.812.910)	(26.823.493.750)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.722.646.209	911.243.709
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(391.314.545)	(2.929.229.773)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	287.277.272
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7.000.000.000)	(5.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.000.000.000	5.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		352.597.418	158.932.589
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(38.717.127)	(2.483.019.912)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.000.000.000)	(2.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.000.000.000)	(2.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.683.929.082	(4.071.776.203)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.783.786.699	22.855.562.902
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	21.467.715.781	18.783.786.699



Ma Thị Thu
Phụ trách kế toán
Kiêm người lập biểu



Phạm Thị Hồng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103488607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2009 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần 8) vào ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Toà Diamond Flower, số 48 phố Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 25.000.000.000 VND, tương đương 2.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom) với mã là EPH.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 95 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 105 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất bản giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động xuất bản khác: Thực hiện các dịch vụ xuất bản; tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản các xuất bản phẩm và các tài liệu khác; phát hành các xuất bản phẩm; tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản sách giáo khoa, sách giáo trình, sách bổ trợ, sách tự chọn, sách tham khảo, sách điện tử, đĩa CD;
- In ấn: In các xuất bản phẩm;
- Dịch vụ liên quan đến in: sửa bản in, đính chính bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Thực hiện dịch vụ bản quyền tác giả;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn và cung cấp dịch vụ thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dụng và phương tiện dạy học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu các xuất bản phẩm; dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Mở trường học, dạy nghề cho tất cả các cấp học, bậc học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); khai thác, cung cấp dịch vụ, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác: buôn bán nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông; kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng: Dịch vụ quản lý, vận hành các công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình dân dụng, khu đô thị;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng;
- Hoạt động tư vấn quản lý: Quản lý dự án xuất bản.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Mức phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính; căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: giá trị dở dang cuối năm là các chi phí phát sinh thực tế của các hợp đồng dịch vụ làm sách, biên soạn, tổ chức bản thảo... chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 50 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 06 năm |

Ngoài ra, Công ty áp dụng khấu hao nhanh, bằng hai lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng cho toàn bộ các tài sản cố định (không bao gồm văn phòng làm việc). Theo đó, Công ty đã ban hành công văn số 08/CV-HEPS ngày 30 tháng 01 năm 2023 gửi Cục thuế thành phố Hà Nội về việc áp dụng khấu hao nhanh.

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm;

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

2.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.15 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí về lương nhân viên của bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp nhân viên của bộ phận bán hàng; các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí thuê kho bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên của bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, công tác, hội nghị khách hàng)...

2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất, thương mại, dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất bản giáo dục và lãnh thổ duy nhất là Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	560.881.067	680.246.227
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.906.834.714	18.103.540.472
	<u>21.467.715.781</u>	<u>18.783.786.699</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi năm hạn 06 tháng có tổng giá trị 5.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất 6,1%/năm.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	6.539.231.247	-	10.279.414.938	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	17.817.649	-	16.571.347	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	21.965.731	-	5.062.500	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	10.080.000	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	1.588.150.188	-	5.037.509.228	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	68.021.928	-	3.670.227.600	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	68.185.714	-	197.632.034	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.126.276.500	-	5.531.499	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	470.216.358	-	879.079.460	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	1.001.995.733	-	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	349.901.376	-	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	826.700.070	-	457.721.270	-
Bên khác	3.706.198.340	(1.488.611.683)	3.351.218.042	(1.488.611.683)
Công ty CP Gia Lai CTC	563.047.190	(563.047.190)	563.047.190	(563.047.190)
Các khách hàng khác	3.143.151.150	(925.564.493)	2.788.170.852	(925.564.493)
	10.245.429.587	(1.488.611.683)	13.630.632.980	(1.488.611.683)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông Zoom Plus	75.000.000	-	-	-
Nguyễn Thị Thanh Hằng	18.856.822	-	18.856.822	-
Lưu Thị Minh Nguyệt	18.200.129	-	-	-
Nguyễn Huy Phong	20.848.000	-	-	-
Các người bán khác	19.479.594	-	16.748.969	-
	152.384.545	-	35.605.791	-

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi	76.041.096	-	115.205.479	-
Phải thu về tạm ứng	29.700.000	-	300.480.000	-
Phải thu khác	334.196.577	-	786.739.700	-
- Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	84.396.897	-	786.739.700	-
- Phải thu tiền nhuận bút	249.799.680	-	-	-
	439.937.673	-	1.202.425.179	-

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Gia Lai CTC	563.047.190	-	563.047.190	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Giang	415.580.000	-	415.580.000	-
Công ty CP Viễn thông Tinh Vân	250.000.000	-	250.000.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	301.118.980	83.347.034	301.118.980	83.347.034
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Phú Thọ	30.246.942	6.925.783	33.315.942	9.994.783
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ VH Duy Phong	20.737.540	1.846.152	20.737.540	1.846.152
	1.580.730.652	92.118.969	1.583.799.652	95.187.969

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.621.000	-	17.442.593	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.518.251.987	-	2.059.120.260	-
Thành phẩm	156.549.959	-	344.678.551	-
Hàng hoá	18.671.982	-	51.149.490	-
	3.715.094.928	-	2.472.390.894	-

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.227.812.121	-
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	35.062.774	33.574.205
	1.262.874.895	33.574.205
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn khác	115.473.276	93.726.286
	115.473.276	93.726.286

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	25.160.884.717	3.969.971.728	982.151.482	30.113.007.927
- Mua trong năm	-	-	391.314.545	391.314.545
Số dư cuối năm	25.160.884.717	3.969.971.728	1.373.466.027	30.504.322.472
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.062.780.159	1.496.234.193	742.819.910	5.301.834.262
- Khấu hao trong năm	505.099.536	916.732.428	137.400.269	1.559.232.233
Số dư cuối năm	3.567.879.695	2.412.966.621	880.220.179	6.861.066.495
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	22.098.104.558	2.473.737.535	239.331.572	24.811.173.665
Tại ngày cuối năm	21.593.005.022	1.557.005.107	493.245.848	23.643.255.977

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.201.925.937 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.860.754.345 VND).

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	3.905.579.501	3.905.579.501	7.500.218.053	7.500.218.053
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	3.387.549.037	3.387.549.037	3.111.918.115	3.111.918.115
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	518.030.464	518.030.464	4.388.299.938	4.388.299.938
Bên khác	6.885.959.985	6.885.959.985	7.993.525.994	7.993.525.994
Xí nghiệp Bản đồ 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ	-	-	838.390.798	838.390.798
Các người bán khác	6.885.959.985	6.885.959.985	7.155.135.196	7.155.135.196
	10.791.539.486	10.791.539.486	15.493.744.047	15.493.744.047

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan	-	187.205.802
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	187.205.802
Bên khác	20.070.000	20.000.000
Các đối tượng khác	20.070.000	20.000.000
	20.070.000	207.205.802

14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	123.694.395	52.135.060
Các khoản phải trả, phải nộp khác	45.125.000	45.125.000
- Hoa hồng môi giới	45.125.000	45.125.000
	168.819.395	97.260.060

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.889.928.168	4.381.017.767	4.770.461.388	1.500.484.547
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.574.745.237	2.879.609.740	3.834.051.895	620.303.082
Thuế thu nhập cá nhân	2.655.789.462	9.268.343.852	8.625.241.545	3.298.891.769
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.441.362	6.441.362	-
	6.120.462.867	16.535.412.721	17.236.196.190	5.419.679.398

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	(110.000.000)	3.444.458.063	5.651.715.409	33.986.173.472
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.397.537.216	8.397.537.216
Chia cổ tức	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	257.585.770	(257.585.770)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.136.543.869)	(2.136.543.869)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(257.585.770)	(257.585.770)
Tạm trích quỹ khen thưởng Ban điều hành theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư cuối năm trước	25.000.000.000	(110.000.000)	3.702.043.833	8.797.537.216	37.389.581.049
Lãi trong năm nay	-	-	-	11.037.577.811	11.037.577.811
Chia cổ tức	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.919.876.861	(2.919.876.861)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.557.783.494)	(2.557.783.494)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(319.876.861)	(319.876.861)
Số dư cuối năm nay	25.000.000.000	(110.000.000)	6.621.920.694	11.037.577.811	42.549.498.505

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2023, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	<u>Số tiền</u>			
	VND			
1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại những năm trước chuyển sang năm 2022	500.000.000			
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	500.000.000			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	-			
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022	8.397.537.216			
- Chi trả cổ tức (tương ứng 12% vốn điều lệ)	3.000.000.000			
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	2.419.876.861			
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.557.783.494			
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (5% Lợi nhuận sau thuế)	419.876.861			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	-			
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	<u>31/12/2023</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2023</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	11.088.130.000	44,35	11.088.130.000	44,35
Các cổ đông khác	13.911.870.000	55,65	13.911.870.000	55,65
	<u>25.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>25.000.000.000</u>	<u>100</u>
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức				
	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>		
	VND	VND		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
- Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000		
- Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000		
Cổ tức, lợi nhuận:				
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	3.000.000.000	2.500.000.000		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.000.000.000	2.500.000.000		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	3.000.000.000	2.500.000.000		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.000.000.000	2.500.000.000		
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-		
d) Cổ phiếu				
	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu				

e) Các quỹ của công ty

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.621.920.694	3.702.043.833
	<u>6.621.920.694</u>	<u>3.702.043.833</u>

17 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	222.720.000	194.880.000
Từ 1 năm đến 5 năm	-	194.880.000

18 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tổ chức bán thảo	87.802.218.827	83.031.988.941
Doanh thu dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	809.478.392	841.308.002
Doanh thu bán sách	5.529.782.720	6.238.849.894
Doanh thu nhuận bút	15.583.493.100	15.207.586.740
	<u>109.724.973.039</u>	<u>105.319.733.577</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	105.778.137.719	100.828.699.033

19 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	28.236.300	12.702.340
	<u>28.236.300</u>	<u>12.702.340</u>

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn dịch vụ tổ chức bản thảo	44.461.804.212	43.940.262.592
Giá vốn dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	114.264.233	186.264.382
Giá vốn bán sách	4.350.200.054	5.641.682.902
Giá vốn nhuận bút	15.583.493.100	15.207.586.740
	64.509.761.599	64.975.796.616
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	9.036.005.393	9.261.816.511

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	313.433.035	274.138.068
	313.433.035	274.138.068

22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	9.267.744.818	7.249.702.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	340.100.492	922.825.732
Chi phí khác bằng tiền	1.371.880.613	1.427.079.850
	10.979.725.923	9.599.608.114

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	8.701.192.102	8.113.150.426
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	812.790.802	1.737.346.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.500.963.268	872.345.116
Thuế, phí và lệ phí	6.441.362	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	259.984.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.198.622.034	3.735.683.389
Chi phí khác bằng tiền	5.305.649.265	3.907.954.788
	20.525.658.833	18.629.465.173
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	25.145.060	-

24 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	287.277.272
Thu từ bán công cụ dụng cụ	6.197.266	1.878.947
Thu nhập khác	600.934	200.683
	6.798.200	289.356.902

25 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế	33.688.483	314.884.643
Các khoản khác	56	14.617.705
	33.688.539	329.502.348

26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	13.968.133.080	12.336.153.956
Các khoản điều chỉnh tăng	1.065.522.812	1.537.572.228
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	259.984.493
- Chi phí không được trừ	479.093.266	1.151.587.735
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	126.000.000	126.000.000
- Chi phí mua máy tính chưa ghi nhận vào thu nhập chịu thuế	460.429.546	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(715.157.192)	-
- Chi phí mua máy tính đã ghi nhận vào thu nhập chịu thuế năm trước	(715.157.192)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.318.498.700	13.873.726.184
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.863.699.740	2.774.745.237
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	15.910.000	1.106.658.926
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.574.745.237	293.180.882
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.834.051.895)	(2.599.839.808)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	620.303.082	1.574.745.237

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	92.085.909	143.031.438
	92.085.909	143.031.438

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	143.031.438	57.212.577
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(92.085.909)	-
	50.945.529	57.212.577

28 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	11.037.577.811	8.397.537.216
Các khoản điều chỉnh :		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành (i)	3.051.878.891	2.977.660.355
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.985.698.920	5.419.876.861
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.194	2.168

(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được tính từ Lợi nhuận sau thuế sau khi đã điều chỉnh giảm theo mức trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành (5% LNST) và Quỹ khen thưởng phúc lợi 2.500 triệu VND dự kiến theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.794.051	14.340.535
Chi phí nhân công	60.865.626.190	53.717.429.664
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.659.039.244	2.751.599.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.559.232.233	987.837.696
Thuế, phí và lệ phí	6.441.362	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	259.984.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.345.552.872	26.255.294.935
Chi phí khác bằng tiền	5.538.712.983	6.179.626.477
	93.988.398.935	90.169.113.759

30 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 10 tháng 01 năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT, trong đó đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 13%/cổ phần, thời gian chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là ngày 20 tháng 04 năm 2024 và thời gian dự kiến chi trả là ngày 27 tháng 05 năm 2024.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

31 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN)	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể, công ty mẹ của Tập đoàn
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGDVN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGDVN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGDVN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Trực thuộc NXBGDVN
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	105.778.137.719	100.828.699.033
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	51.480.910.531	36.010.155.060
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.885.798.772	4.225.776.853
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	20.338.640	5.062.500
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	661.500	11.578.500
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	-	10.080.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	12.058.654.500	11.613.101.950
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	5.971.067.500	13.015.855.990
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	16.632.867.518	16.740.675.296
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	1.169.695.248	2.697.632.034
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.189.201.535	3.533.150.939
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	8.241.560.426	6.840.943.627
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	897.624.929	1.250.533.313
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	26.047.120	66.309.960
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	31.063.140	49.496.420
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	-	31.295.600
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	67.562.000	40.408.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	790.452.360	1.236.734.191
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	4.314.632.000	3.449.908.800
Mua hàng hóa dịch vụ	9.061.150.453	9.261.816.511
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.636.364	35.690.237
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	201.631.862	233.115.091
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	1.019.448.540	621.308.410
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	1.049.467.267	639.969.140
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	97.695.193
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	153.482.240	211.401.656
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	-	104.166.667
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	6.451.570.980	7.227.208.317
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	16.260.000	28.740.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	145.653.200	62.521.800
Cổ tức đã trả	1.801.575.600	1.501.313.000
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.330.575.600	1.108.813.000
Các cổ đông khác	471.000.000	392.500.000

Thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
Ông Trần Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	682.228.800	638.397.133
Ông Quách Tuấn Kiên	Ủy viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Hiền Trang	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	617.385.520	580.310.555
Ông Phạm Đình Lượng	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023) kiêm Phó Giám đốc	600.044.638	553.554.853
Ông Chu Quang Tuyến	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023) kiêm kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 01/07/2023)	76.341.165	590.776.536
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc	543.211.786	542.428.028
Bà Nguyễn Thị Trà Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Bà Vũ Thị Hương Giang	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26/04/2022)	-	4.000.000
Ông Phạm Việt Quang	Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	8.000.000
Bà Ma Thị Thu	Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2023)	319.893.926	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

32 SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam kiểm toán.



Ma Thị Thu
Phụ trách kế toán
Kiêm người lập biểu



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2024.

